TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/KDTM-PT
Ngày 23/04/2018

" V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*Ông Hoàng Hữu Khoa

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lương và ông Vũ Minh Quán

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 04 năm 2018 tại Hội trường xét xử số II – trụ sở Tòa án án nhân dân tỉnh Lào Cai, xét xử phúc thẩm công khaivụ án thụ lý số 01/2018/KDTM -PT ngày 07 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp " *Hợp đồng mua bán hàng hóa*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố N bị bị đơn chị Phan Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2018/QĐ-PT ngày 06/03/2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 10/2018/TB-TA ngày 05/4/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: Tổ 03B, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Ma Ngọc Mạnh L.

Địa chỉ: Tổ 03B, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Lào Cai (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21/7/2017). Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị L.

Địa chỉ: Tổ 23, phường K, thành phố N, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Nguyễn Thị D.

ĐKHKTT: Tổ 1, thị trấn S, huyện S, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số nhà 575, đường E, Tổ 21, phường K, thành phố N, tỉnh Lào Cai (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21/8/2017). Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:* Anh Nguyễn Văn H

Địa chỉ: Tổ 9, phường K, thành phố N, tỉnh Lào Cai.Có mặt.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, người đại diện theo ủy quyền Anh Ma Ngọc Mạnh L trình bày:

Ngày 03/01/2017 chị Phan Thị L có gọi điện mời chị Nguyễn Thị H mua 03 tấn thảo quả (loại chọn) giá là 365.000 đồng/kg tổng số tiền là: 1.095.000.000 đồng *(Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng)*. Chị H đồng ý mua 03 tấn thảo quả của chị L. Hai bên thỏa thuận chị H chuyển tiền trước cho chị L và lấy hàng tại kho của chị Đỗ Thị L1 địa chỉ Tổ 4B, thị trấn Z, huyện Z, tỉnh Lào Cai. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày chị H nhờ ông Trịnh Văn C trú tại Tổ 20B, phường M, thành phố N, tỉnh Lào Cai chuyển cho chị Phan Thị L 630.000.000 đồng *(Sáu trăm ba mươi triệu đồng),* số tiền còn lại là 465.000.000 đồng *(Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng)* chị H mang đến nhà chị L nhưng không gặp, sau đó chị L có nhờ em gái là chị P nhận tiền hộ, chị H đã đưa số tiền trên cho chị P và chị P đã chuyển cho chị L.

Sáng ngày 04/01/2017 chị H liên lạc với chị Đỗ Thị L1 để lấy 03 tấn thảo quả của chị Phan Thị L thì được biết chị Phan Thị L đã bán 03 tấn thảo quả cho chị Đỗ Thị L1. chị H gọi điện yêu cầu chị L giao hàng nhưng chị Phan Thị L không giao, chị L nói rằng phải tạo dựng việc mua bán như thế thì mới lấy được số tiền 1.095.000.000 đồng *(Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng)* để bù vào giao dịch 12 tấn thảo quả chưa thanh toán xong. Sau đó chị H đã yêu cầu chị L giao hàng (thảo quả) rất nhiều lần nhưng chị L không thực hiện.

Do Chị L không giao hàng như đã thỏa thuận, vì vậy chị H yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy bỏ hợp đồng mua bán hàng hóa giữa chị Nguyễn Thị H và chị Phan Thị L ngày 03/01/2017; Yêu cầu chị Phan Thị L phải trả cho chị H số tiền 1.095.000.000 đồng *(Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng)*; Yêu cầu chị Phan Thị L phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho chị H kể từ ngày 04/01/2017 đến nay tạm tính theo lãi suất quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 là 89.881.250 đồng *(Tám mươi chín triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng)*. Tổng cộng chị L phải trả cho chị H 1.184.881.250 đồng *(Một tỷ một trăm tám mươi bốn triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng).*

Tại phiên hòa giải ngày 10/10/2017 chị Nguyễn Thị H rút yêu cầu buộc chị Phan Thị L phải bồi thường thiệt hại cho chị H số tiền là 89.881.250 đồng *(Tám mươi chín triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng).*

Đối với yêu cầu phản tố của chị Phan Thị L ngày 21/8/2017, chị L yêu cầu chị H phải trả số tiền 1.704.000.000 đồng *(Một tỷ bảy trăm linh bốn triệu đồng)*, chị H không đồng ý vì ngày 26/3/2016 giữa chị Nguyễn Thị H và chị Phan Thị L có thỏa thuận chị H nợ của chị L 12 tấn thảo quả khô và có hẹn đến cuối tháng 11 năm 2016 sẽ trả, nhưng do thiên tai mất mùa nên đến tháng 10/2016 không có thảo quả trả cho chị L, vì vậy 2 bên thống nhất chị H sẽ trả tiền cho chị L với giá là 200.000 đồng/1kg, tổng số tiền chị H phải trả cho Chị L là 2.400.000 đồng *(Hai tỷ bốn trăm triệu đồng)*. Chị H đã trả cho chị L đủ số tiền trên, giao dịch mà chị H và chị L thỏa thuận ngày 26/3/2016 đã hoàn thành và chấm dứt nên các bên không còn nợ gì nhau. Vì vậy yêu cầu phản tố của chị L buộc chị H phải trả số tiền: 1.704.000.000 đồng *(Một tỷ bảy trăm linh bốn triệu đồng)* là không có căn cứ, chị H không chấp nhận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Chị Phan Thị L làm nghề kinh doanh nông sản xuất khẩu và mua bán tại thị trường trong nước, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 12.A8.003.123/HKD đăng ký lần đầu ngày 09/8/2005 mang tên anh Nguyễn Văn H (là chồng cũ và cũng là người làm ăn chung với chị L). Ngày 26/3/2016 Chị H tự tay viết giấy nhận nợ của chị L 12.000kg thảo quả khô và hẹn đến tháng 10/2016 sẽ trả đủ số lượng.

Do giá thảo quả ngoài thị trường tăng, chị L đã nhiều lần gặp và điện thoại cho chị Huệ, yêu cầu chị H trả cho Chị L số thảo quả hai bên đã thỏa thuận, sau khi đòi chị H đề xuất trả cho chị L 200.000đ/1kg nhưng chị L không nhất trí và nói phải trả thảo quả với giá 342.000 đồng/kg theo giá thị trường, 12 tấn thảo quả có giá trị là 4.104.000.000đồng *(Bốn tỷ một trăm linh bốn triệu đồng)*. Ngày 30/11/2016 chị L nhận của chị H2.000.000.000đ *(Hai tỷ);* Ngày 15/12/2016 chị H trả tiếp 400.000.000đ *(Bốn trăm triệu đồng)*. Tổng cộng chị H đã thanh toán cho chị L 2.400.000.000đ *(Hai tỷ bốn trăm triệu đồng)*. Số tiền còn nợ lại là 1.704.000.000 đồng *(Một tỷ bảy trăm linh bốn triệu đồng)*. Do đòi nhiều lần không trả nên tháng 3/2017 chị L gọi điện và thỏa thuận bán cho chị H3 tấn thảo quả với giá là 1.095.000.000 đồng *(Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng)*, chị L đã nhận đủ số tiền trên, tuy nhiên do chị H còn nợ lại 1.704.000.000 đồng *(Một tỷ bảy trăm linh bốn triệu đồng)* nên chị L đã gọi điện mời chị H xuống để giải quyết nhưng chị H không đến. Nay chị H khởi kiện chị L phải trả số tiền 1.095.000.000 đồng *(Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng)*, chị L không đồng ý. Chị L khởi kiện phản tố yêu cầu chị H phải trả số tiền 1.704.000.000 đồng *(Một tỷ bảy trăm linh bốn triệu đồng)*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh và chị Phan Thị L trước đây là vợ chồng, năm 1997 thì ly hôn, khi ly hôn về phần tài sản đã thỏa thuận không liên quan đến nhau, do có mối làm ăn từ trước nên anh và chị L tiếp tục làm ăn chung với nhau theo hình thức 50/50 từ năm 2010, việc chị H nợ chị L 12 tấn thảo quả ngày 26/3/2016 anh cũng biết vì lý do anh có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 12.A8.003.123/HKD đăng ký lần đầu ngày 09/8/2005 mang tên anh,

chị H và chị L làm ăn với nhau cũng như chị L đã trình bày là đúng, giữa chị L và chị H đã thỏa thuận và chốt với nhau về giá thảo quả là 342.000 đồng/kg theo giá thị trường, số tiền phải trả cho anh và chị L là 4.104.000.000đồng *(Bốn tỷ một trăm linh bốn triệu đồng)*, chị H đã thanh toán được 2.400.000.000đ *(Hai tỷ bốn trăm triệu đồng)*. Hiện tại chị H còn nợ lại số tiền là 1.704.000.000 đồng *(Một tỷ bảy trăm linh bốn triệu đồng)*. Đây là vốn làm ăn của anh và chị L. Vì vậy anh yêu cầu chị H phải thanh toán cho anh và chị L số tiền trên.

Đối với việc chị H yêu cầu chị Phan Thị L phải trả cho chị H số tiền: 1.095.000.000 đồng *(Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng)*. Việc mua bán này anh không biết, chị L không nói với anh, cũng không bảo anh hùn vốn, vì vậy khi chị H khởi kiện buộc chị L phải trả số tiền 1.095.000.000 đồng *(Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng)* không liên quan đến anh.

Bản án sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 24; Điều 37; Điều 50 và Điều 56 Luật Thương mại 2005; Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 127; khoản 1, 2 Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Tuyên bố Hợp đồng mua bán thảo quả bằng lời nói giữa chị Phan Thị L và chị Nguyễn Thị H xác lập ngày 03/01/2017 vô hiệu.

Chị Phan Thị L phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị H số tiền mua bán thảo quả giao dịch ngày 03/01/2017 là 1.095.000.000 đồng *(Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo qui định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết của chị Nguyễn Thị H buộc chị Phan Thị L phải bồi thường thiệt hại cho chị H số tiền là89.881.250 đồng *(Tám mươi chín triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng)*, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phan Thị L về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền thảo quả còn nợ lại tại giao dịch ngày 26/3/2016 là 1.704.000.000 đồng *(Một tỷ bảy trăm linh bốn triệu đồng)*.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền thảo quả còn nợ cho anh và chị Phan Thị L tại

giao dịch ngày 26/3/2016 là 1.704.000.000 đồng *(Một tỷ bảy trăm linh bốn triệu đồng)* và nếu không trả tiền mặt thì trả bằng thảo quả.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H 23.773.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai 0004470 ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

Chị Phan Thị L phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại là 44.850.000đ.

Chị Phan Thị L phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại do yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 63.120.000đ.

Tổng cộng chị Phan Thị L phải chịu 107.970.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành, quyền kháng cáo cho đương sự.

Ngày 12/01/2018 bị đơn chị Phan Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phan Thị L.

Ngày 12/01/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phan Thị L và chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho anh Hvà chị L 12 tấn thảo quả khô và chị Lan trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 2.400.000.000 đồng.

Ngày 26/01/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị TAND tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 28/12/2017 của TAND thành phố N về phần nghĩa vụ án phí và phần yêu cầu phản tố của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và bị đơn chị Phan Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy cấp sơ thẩm không ra thông báo đưa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh Nguyễn Văn H là thiếu, không ra quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân là thiếu, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, xử bác yêu cầu phản tố của bị đơn và người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng và không buộc anh H phải chịu tiền án phí là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai và kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩmsố 04/2017/KDTM-ST ngày 28/12/2017 của TAND thành phố N chuyển hồ sơ cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với nội dung kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm đã nhận định hợp đồng mua bán 3 tấn thảo quả được xác lập ngày 03/01/2017 vô hiệu do giả tạo là không đúng:

[1.1] Xét hợp đồng mua bán hàng hóa giữa chị Nguyễn Thị H và chị Phan Thị L ngày 03/01/2017: Theo chị H trình bày, ngày 03/01/2017 chị L gọi điện mời chị H mua 03 tấn thảo quả (loại chọn) giá là 365.000 đồng/kg tổng số tiền là: 1.095.000.000 đồng *(Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng)*, chị H đồng ý và đã chuyển đủ số tiền trên cho chị L nhưng chị L không giao thảo quả cho chị H. Tại các bản tự khai chị L cũng thừa nhận ngày 03/01/2017 chị có giao kết hợp đồng bán 03 tấn thảo quả với chị H và đã nhận đủ tiền do chị H trả là 1.095.000.000 đồng *(Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng)* nhưng chị L không giao thảo quả cho chị H theo như thời hạn đã thỏa thuận là giao ngay sau khi nhận đủ tiền. Như vậy đã đủ căn cứ để khẳng định Hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 03/01/2017 là hợp đồng được xác lập dưới hình thức bằng lời nói và thực hiện bằng hành vi chị H đã thanh toán tiền cho chị L nhưng chị L chưa giao thảo quả cho chị H. Hợp đồng mua bán thảo quả được chị H và chị L xác lập hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật thương mại và Bộ luật dân sự. Việc chị H không giao thảo quả cho chị L như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ giao hàng được quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật thương mại năm 2005. Nay chị H yêu cầu hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu chị L phải trả lại tiền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 423, khoản 1, 2 Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ pháp luật.

[1.2] Xét bản án sơ thẩm: Bản án sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn về việc chị L nói "phải tạo dựng việc mua bán như thế thì mới lấy được số tiền 1.095.000.000 đồng *(Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng)* để bù vào giao dịch 12 tấn thảo quả chưa thanh toán xong" để cho rằng chị L đã có hành vi lừa dối chị H khi giao kết hợp đồng là không chính xác bởi lẽ tất cả các bản tự khai và lời khai của chị L đều xác định chị L giữ lại thảo quả là để chị H phải trả nốt số tiền mà chị L cho rằng chị H còn nợ của hợp đồng mua thảo quả trước đó chứ không lừa chị H mua thảo quả để trừ nợ nên đã áp dụng Điều 127; khoản 1, 2 Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015 tuyên bố hợp đồng mua bán thảo quả giữa chị L và chị H vô hiệu do bị lừa

dối là không chính xác, nên nội dung kháng cáo này của chị L là có căn cứ cần được chấp nhận sửa bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị L cho rằng bản án sơ thẩm buộc chị L phải trả lại cho chị H 1.095.000.000 đồng*(Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng)*là không có căn cứ. Xét thấy tại phiên tòa chị L cũng thừa nhận ngay sau khi nhận tiền của chị H thì chị phải giao ngay thảo quả nhưng chị L đã không giao như đã thỏa thuận như vậy chị đã vi phạm nghĩa vụ của chị nên chị H yêu cầu hủy bỏ hợp đồng và buộc chị phải trả lại tiền là có căn cứ pháp luật. Việc chị L cho rằng chị giữ lại thảo quả để chị H phải trả tiền nợ cho chị là không có căn cứ pháp luật, nên nội dung kháng cáo này của chị L là không được chấp nhận.

[3] Xét nội dung kháng cáo của chị Phan Thị L cho rằng chị H còn nợ chị 1.704.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm linh bốn triệu đồng)* do chị H chưa thanh toán đủ số tiền theo giấy nhận nợ 12 tấn thảo quả được xác lập ngày 26/3/2016, theo giá thảo quả mà các bên thỏa thuận với giá 342.000 đồng/kg, 12 tấn thảo quả có giá trị là 4.104.000.000đồng *(Bốn tỷ một trăm linh bốn triệu đồng)* chị H mới trả cho chị được 2.400.000.000đ.

Xét thấy ngày 26/3/2016 chị H có ghi giấy nhận nợ của Lan Hùng 12 tấn thảo quả khô hẹn tháng 10/2016 trả (có giấy nhận nợ của chị H ngày 26/3/2016). Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận do chị H không có thảo quả trả cho chị L nên chị H và chị L đã thỏa thuận chị H trả tiền cho chị L. Nay chị L cho rằng chị H phải trả tiền cho chị theo giá thảo quả là 342.000đ/kg tương đương với số tiền là 4.104.000.000đồng, còn chị H thì cho rằng các bên đã thỏa thuận giá thảo quả mà chị H phải trả cho chị L là 200.000đồng/kg tương đương giá trị 12 tấn thảo quả là 2.400.000.000đ. Tại các bản tự khai của chị L và tại các phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị L đều thừa nhận số tiền 2.400.000.000đ mà chị L nhận của chị H là tiền chị H thanh toán tiền nợ 12 tấn thảo quả, tại giấy nhận tiền do chị L viết và ký ngày 30/11/2016 chị L đã viết " Lan nhận tiền chị H trả tiền thảo quả non 2.000.000.000 (Hai tỷ) chị H nợ lại Lan 400.000 (Bốn trăm triệu đồng chẵn)", tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng thừa nhận số tiền nợ lại 400.000.000đồng sau đó bị đơn đã nhận đủ số tiền 400.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng không lý giải được tại sao chị L sau khi nhận 2 tỷ đồng của chị H lại không ghi giấy chị H còn nợ 1.704.000.000 đồng mà chỉ ghi chị H còn nợ 400.000.000đ. Như vậy chị H cho rằng các bên đã thỏa thuận giá thảo quả là 200.000đồng/kg là có căn cứ.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị L cho rằng giữa chị H và chị L đã thỏa thuận chị L cứ trả đủ tiền còn giá cả sẽ tính sau khi nhận đủ tiền là không lô gic và không phù hợp với thực tế. Mặt khác chị L cho rằng việc chị mua 12 tấn thảo quả của chị H là có sự liên quan của anh Nguyễn Văn H việc chị L thỏa thuận với chị H về việc nhận tiền của chị H khi không có sự tham gia của anh H là vô hiệu nhưng chị L cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh anh H và chị L cùng thỏa thuận giao kết hợp đồng mua 12 tấn

thảo quả của chị H. Vì vậy, nội dung kháng cáo này của chị L là không được chấp nhận.

[4] Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H: Anh H cho rằng anh và chị L chung vốn làm ăn, chị H nợ của anh và chị L 12 tấn thảo quả khô nên anh yêu cầu chị H phải trả cho anh và chị L số tiền còn thiếu là 1.704.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm linh bốn triệu đồng*), nếu không trả bằng tiền thì trả bằng thảo quả: Xét thấy, tại giấy nhận nợ ngày 26/3/2016 của chị H có ghi nội dung *"Tôi là Nguyễn Thị H (Hoàn) tổ 3A Z Lào Cai có nhận nợ của Lan Hùng là 12 tấn thảo quả khô hẹn hết tháng 10 âm 2016 trả hàng*" (BL 21). Căn cứ vào giấy nhận nợ này do chị H viết có nợ L H 12 tấn thảo quả, tại các bản tự khai chị H khẳng định chị chỉ nợ chị L chứ không nợ anh Hùng, tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn cũng khẳng định nguyên đơn chỉ nợ chị L chứ không nợ anh Hùng, tại đơn phản tố chị L ghi ngày 26/3/2016 tôi có mua của chị L 12 tấn thảo quả và các bản tự khai chị L đều ghi chị H nợ tôi 12 tấn thảo quả, các tài liệu trên không thể hiện anh H cùng chị L có mua của chị H 12 tấn thảo quả khô; Trong giấy nhận nợ ngày 26/3/2016 chị H có viết nợ L H chứ không ghi nợ anh chị hay ông bà… nên không có căn cứ để xác định chị H nợ thảo quả của cả chị L và anh H, quá trình giải quyết vụ án chị H đều khẳng định việc chị viết giấy ghi nợ "L H" là để phân biệt giữa chị Phan Thị L với người khác có tên L cùng kinh doanh thảo quả ví dụ như chị Đỗ Thị L1…vv. Như vậy đã đủ căn cứ để khẳng định chị H không nợ anh H, việc anh H và chị L xác nhận có chung vốn làm ăn với nhau cũng không phát sinh quyền và nghĩa vụ của anh H đối với khoản nợ của chị H đối với chị L. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh H là có căn cứ pháp luật. Vì vậy kháng cáo của anh H không được chấp nhận.

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai:

[5.1] Đối với kháng nghị cho rằng có căn cứ để chấp nhận việc anh Hcó yêu cầu chị H phải trả cho anh H và chị L số tiền còn thiếu là 1.704.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm linh bốn triệu đồng*), nếu không trả bằng tiền thì trả bằng thảo quả hoặc chị H phải thanh toán ½ số hàng thảo quả khô theo Giấy nhận nợ của chị H lập ngày 26/3/2016 cho anh H. Như đã phân tích ở nội dung xét kháng cáo của anh H ở phần trên đã xác định anh H không liên quan gì đến việc chị H nhận nợ của chị L 12 tấn thảo quả nên không có căn cứ xác định anh H có liên quan đến việc chị H nhận nợ của chị L 12 tấn thảo quả. Vì vậy, nội dung kháng nghị này là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5.2] Đối với kháng nghị về việc tuyên án phí cho các đương sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai cho rằng Bản án sơ thẩm tuyên bác yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H nhưng không tuyên nghĩa vụ chịu án phí là vi phạm khoản 1, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14: Xét thấy, theo thông báo đưa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng đối với anh H do bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị đưa vào vì bị đơn cho rằng anh H có góp vốn làm ăn chung với chị L nên giao dịch ngày 26/3/2016 giữa chị H và chị L có liên quan đến anh H. Tại

phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm anh H đều yêu cầu chị H phải trả cho anh và chị L số tiền còn thiếu là 1.704.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm linh bốn triệu đồng*). Như vậy, trong vụ án này anh H được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn do bị đơn đề nghị đưa vào tham gia tố tụng chứ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu phản tố của bị đơn và buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm mà không buộc anh Hphải chịu tiền án phí sơ thẩm là đúng pháp luật. Vì vậy nội dung kháng nghị này là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5.3] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cho rằng sau khi tòa án cấp sơ thẩm có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã có sự thay đổi về hội thẩm nhân dân nhưng tòa án không ra quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; Xét thấy trong hồ sơ vụ án không có quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân nhưng tại phần thủ tục phiên tòa sơ thẩm, chủ tọa phiên tòa đã giới thiệu đầy đủ thành viên hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự và đại diện Viện kiểm sát đều nhất trí đề nghị tiếp tục xét xử vụ án và các hội thẩm nhân dân này đều là hội thẩm nhân dân đương nhiệm của Tòa án nhân dân thành phố N nên việc thiếu quyết định này không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự.

[6] Đối với quyết định của bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn do không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[7] Án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật, các đương sự kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Không chấp nhận toàn bộ nội dung Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 26/01/2018 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn chị Phan Thị L. Sửa bản án sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 24; Điều 37; Điều 50 và Điều 56 Luật Thương mại 2005; Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 423, khoản 1, 2 Điều 427 Bộ luật Dân

sự năm 2015;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Tuyên bố Hủy bỏ Hợp đồng mua bán thảo quả giữa chị Phan Thị L và chị Nguyễn Thị H xác lập ngày 03/01/2017.

Chị Phan Thị L phải trả lại cho chị Nguyễn Thị H1.095.000.000 đồng *(Một tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo qui định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Phan Thị L về việc yêu cầuchị Nguyễn Thị H phải trả số tiền thảo quả còn nợ lại tại giao dịch ngày 26/3/2016 là 1.704.000.000 đồng *(Một tỷ bảy trăm linh bốn triệu đồng)*.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn chị Phan Thị L và yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H đứng về phía bị đơn về việc buộc chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền thảo quả còn nợ cho anh Nguyễn Văn H và chị Phan Thị L tại giao dịch ngày 26/3/2016 là 1.704.000.000 đồng *(Một tỷ bảy trăm linh bốn triệu đồng)*.

3. Đối với quyết định của bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H do không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị H số tiền 23.773.000 đồng (*Hai mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004470 ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Lào Cai.

+ Chị Phan Thị L phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 44.850.000 đồng (*Bốn mươi bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Chị Phan Thị L phải chịu tiền án phí do yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận là 63.120.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng*).

Tổng cộng chị Phan Thị L phải chịu 107.970.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại. Xác nhận chị L đã nộp 31.560.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0004565 ngày 01/9/2017 của Chi cục thi hành án thành phố N nay được khấu trừ vào tiền án phí phải chịu.

- Án phí phúc thẩm:

+ Chị Phan Thị L không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số AB/2012/0004884 ngày 19/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

+ Anh Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số AB/2012/0004885 ngày 19/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh LC (2);
- TAND TP LC;
- Các đương sự;
- CCTHADS TP LC;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Hữu Khoa